

(Mẫu này dành cho tổ chuyên môn)

PHÒNG GD&ĐT NÚI THÀNH TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI TỔ: XÃ HỘI	KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC - NĂM HỌC 2022-2023 MÔN: ĐỊA LÍ KHỐI: 8
--	---

I. Thông tin:

1. Tổ trưởng: NGUYỄN HÀNH
2. Nhóm trưởng chuyên môn: PHAN HƯƠNG

II. Kế hoạch cụ thể:

HỌC KỲ I
Từ tuần 1 đến tuần 18 (thực học)

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	1	Bài 1. Vị trí địa lí, địa hình và khoáng sản.	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lí và kích thước của châu lục. - Đặc điểm địa hình và khoáng sản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vị trí địa lí, giới hạn của châu Á trên bản đồ thế giới và châu Á. - Trình bày được đặc điểm hình dạng, kích thước lãnh thổ châu Á: Là châu lục có kích thước rộng lớn, hình dạng mập mạp. - Trình bày đặc điểm địa hình, khoáng sản của châu Á: Địa hình đa dạng phức tạp nhất, có nhiều khoáng sản. - Đọc và phân tích kiến thức từ bản đồ tự nhiên châu Á. - Phân tích các mối quan hệ địa lí để giải thích đặc điểm tự nhiên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ. 	
2	2	Bài 2. Khí hậu châu Á.	<ul style="list-style-type: none"> - Khí hậu châu Á phân hóa rất đa dạng. - Khí hậu châu Á phổ biến là các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu lục địa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và giải thích được đặc điểm khí hậu châu Á: Phân hóa đa dạng phức tạp (Có đủ các đới khí hậu và các kiểu khí hậu) và nguyên nhân của nó. - Nêu và giải thích được sự khác nhau giữa các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu lục địa ở châu Á. - Đọc và phân tích lược đồ khí hậu châu Á. - Phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa của một số địa điểm ở châu Á. - Xác lập các mối quan hệ giữa khí hậu với vị trí, kích 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ. 	Câu 2 phần bài tập, không yêu cầu HS làm.

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				thước, địa hình, biển...		
3	3	Bài 3. Sông ngòi và cảnh quan châu Á.	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm sông ngòi. - Các đới cảnh quan tự nhiên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm chung của sông ngòi châu Á. - Nêu và giải thích được sự khác nhau về chế độ nước, giá trị kinh tế của các hệ thống sông lớn: Có nhiều hệ thống sông lớn, chế độ nước phức tạp. - Trình bày đặc điểm các cảnh quan tự nhiên châu Á và giải thích được sự phân bố của một số cảnh quan: rừng lá kim, rừng nhiệt đới ẩm, thảo nguyên, hoang mạc, cảnh quan núi cao. - Quan sát phân tích bản đồ tự nhiên châu Á để nắm được các đặc điểm của sông ngòi và cảnh quan châu Á. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ. 	
4	4	Bài 4. Thực hành: Phân tích hoàn lưu gió mùa ở châu Á.	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích hướng gió về mùa đông. - Phân tích hướng gió về mùa hạ. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS hiểu được nguyên nhân hình thành và sự thay đổi hướng gió của khu vực gió mùa châu Á. - Làm quen với b/đồ phân bố khí áp và hướng gió, phân biệt các đường đẳng áp. - Kỹ năng đọc, phân tích sự thay đổi khí áp và hướng gió trên bản đồ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. Thực hành. - PP thuyết trình giới thiệu. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ. 	- HS thực hành trên BĐ và phiếu HT.
5	5	Bài 5. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Á.	<ul style="list-style-type: none"> - Một chủng tộc đông dân nhất thế giới. - Dân cư thuộc nhiều chủng tộc. - Nơi ra đời của các tôn giáo lớn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và giải thích được một số đặc điểm nổi bật của dân cư - xã hội ở châu Á. - Biết được: Số dân lớn, tăng nhanh, mật độ cao, dân cư chủ yếu thuộc chủng tộc Môn-gô-lô-it. Văn hoá đa dạng, nhiều tôn giáo (Hồi giáo, Phật giáo, Thiên chúa giáo, Ấn Độ giáo). - Phân tích bảng số liệu, ảnh địa lí - Đọc và khai thác kiến thức từ bản đồ dân cư châu Á. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ. 	Câu 2 phần bài tập, không yêu cầu vẽ biểu đồ, GV hướng dẫn HS nhận xét.
6	6	Bài 6. Thực hành: Đọc, phân tích lược	<ul style="list-style-type: none"> - Sự phân bố dân cư. - Các thành phố 	<ul style="list-style-type: none"> - Củng cố kiến thức về phân bố dân cư châu Á. - Mối quan hệ giữa tự nhiên với phân bố dân cư. - Xác định vị trí của các thành phố lớn đông dân của châu 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. Thực hành. 	- HS thực hành trên LĐ và phiếu HT.

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		đồ phân bố dân cư và các thành phố lớn của châu Á	lớn của châu Á.	<p>Á. Những nơi tập trung đông dân, nơi thưa dân.</p> <p>- Phân tích bản đồ dân cư châu Á, bản đồ tự nhiên châu Á, tìm mối quan hệ địa lý giữa dân cư và tự nhiên, giải thích sự phân bố đó.</p>	- PP thuyết trình giới thiệu. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	
7	7	Bài 7. Đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội các nước châu Á.	- Đặc điểm phát triển kinh tế-xã hội của các nước và lãnh thổ châu Á hiện nay.	<p>- Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản một số đặc điểm phát triển kinh tế của các nước châu Á: Có sự biến đổi mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, trình độ phát triển kinh tế không đồng đều giữa các nước và các vùng lãnh thổ.</p> <p>- Phân tích bảng số liệu, lược đồ các quốc gia và vùng lãnh thổ châu Á theo mức thu nhập. (2002)</p>	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	Mục 1 không dạy. Câu hỏi 2 phân bài tập <i>không yêu cầu HS làm.</i>
8	8	Bài 8. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội ở các nước châu Á.	<p>- Nông nghiệp.</p> <p>- Công nghiệp.</p> <p>- Dịch vụ.</p>	<p>- Trình bày được tình hình phát triển kinh tế - xã hội ở các nước và các vùng lãnh thổ châu Á: Nền nông nghiệp lúa nước, lúa gạo là cây lương thực quan trọng nhất. Công nghiệp được ưu tiên phát triển, bao gồm cả công nghiệp khai khoáng và công nghiệp chế biến.</p> <p>- Có kỹ năng quan sát phân tích biểu đồ, bảng số liệu, đọc bản đồ và phân tích mối liên hệ địa lý.</p>	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	
9	9	Ôn tập giữa HKI	- Kiến thức địa lý chung về vị trí địa lý, tự nhiên, dân cư, xã hội châu Á.	<p>- Hệ thống hóa các kiến thức đã học về châu Á.</p> <p>- Trình bày những đặc điểm chính</p> <p>- củng cố kỹ năng: Phân tích biểu đồ, lược đồ, biểu đồ, các bảng số liệu thống kê về đặc điểm tự nhiên, dân cư Châu Á.</p> <p>- Phát triển khả năng tổng hợp, khái quát, xác lập mối quan hệ địa lý giữa các yếu tố tự nhiên, giữa tự nhiên với sự phân bố dân cư.</p>	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	
10	10	Kiểm tra giữa HKI	- Kiểm tra về kiến thức địa lý chung về vị trí	Làm được bài kiểm tra ở 2 dạng: Trắc nghiệm và tự luận.	Làm bài kiểm tra trên lớp.	

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			địa lí, tự nhiên, dân cư, xã hội Châu Á.			
11	11	Bài 9. Khu vực Tây Nam Á.	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lí. - Đặc điểm tự nhiên. - Đặc điểm dân cư, kinh tế, chính trị. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, kinh tế-xã hội của khu vực TNÁ: + Tự nhiên: Địa hình chủ yếu là núi và cao nguyên, khí hậu nhiệt đới khô, nguồn tài nguyên dầu mỏ và khí đốt lớn nhất thế giới. + Dân cư chủ yếu theo đạo Hồi, không ổn định về chính trị - kinh tế. - Hiểu được vị trí chiến lược quan trọng của khu vực Tây Nam Á - Phân tích biểu đồ, lược đồ tự nhiên, dân cư, kinh tế của khu vực Tây Nam Á. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ. 	
12	12	Bài 10. Điều kiện tự nhiên khu vực Nam Á.	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lí và địa hình. - Khí hậu, sông ngòi và cảnh quan tự nhiên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những đặc điểm nổi bật về tự nhiên của khu vực Nam Á: Khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình, nhịp điệu hoạt động của gió mùa ảnh hưởng rất lớn đến sinh hoạt sản xuất của dân cư trong khu vực - Phân tích ảnh địa lí, đọc lược đồ tự nhiên, lược đồ phân bố mưa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ. 	
13	13	Bài 11. Dân cư và đặc điểm kinh tế khu vực Nam Á.	<ul style="list-style-type: none"> - Dân cư. - Đặc điểm kinh tế-xã hội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày những đặc điểm nổi bật về dân cư, kinh tế của khu vực Nam Á: là khu vực dân cư đông đúc, có mật độ dân số cao nhất thế giới. - Dân cư Nam Á chủ yếu theo đạo Hồi và Ấn Độ giáo. Tôn giáo ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế- xã hội ở Nam Á. - Các nước Nam Á có nền kinh tế đang phát triển, trong đó Ấn Độ có kinh tế phát triển nhất. - Phân tích lược đồ phân bố dân cư, bảng số liệu, ảnh địa lí 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ. 	

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				(sgk)		
14	14	Bài 12. Đặc điểm tự nhiên khu vực Đông Á.	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lí và phạm vi khu vực Đông Á. - Đặc điểm tự nhiên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những đặc điểm nổi bật về tự nhiên của khu vực Đông Á: Lãnh thổ gồm 2 bộ phận (Đất liền và Hải đảo) có đặc điểm tự nhiên khác nhau. - Đọc và khai thác kiến thức từ bản đồ tự nhiên. Kỹ năng xây dựng mối liên hệ nhân quả giữa các thành phần tự nhiên trong khu vực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ. 	
15	15	Bài 13. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội khu vực Đông Á.	<ul style="list-style-type: none"> - Khái quát về dân cư và đặc điểm phát triển kinh tế khu vực Đông Á. - Đặc điểm phát triển của một số quốc gia châu Á. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đặc điểm nổi bật về dân cư, kinh tế - xã hội khu vực Đông Á: Là khu vực đông dân. Kinh tế phát triển nhanh với thế mạnh về xuất khẩu. Có các nền kinh tế phát triển mạnh của thế giới: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc. - Phân tích bản đồ dân cư, kinh tế và bảng số liệu thống kê sgk. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ. 	Câu 2 phần câu hỏi và bài tập giảm tải, không yêu cầu học sinh trả lời.
16	16	Ôn tập HKI	<ul style="list-style-type: none"> - Tự nhiên, dân cư, kinh tế châu Á. Các khu vực Tây Nam Á, Nam Á, Đông Á. 	<ul style="list-style-type: none"> - Củng cố các kiến thức cơ bản về vị trí địa lý, địa hình, khoáng sản, sông ngòi, khí hậu và các cảnh quan châu Á. - Đặc điểm ktế, xã hội và tình hình phát triển kinh tế, xã hội các nước châu Á - Đặc điểm 1 số khu vực của châu Á: Tây Á, Nam Á, Đông Á. - Phân tích biểu đồ, lược đồ, giải thích các mối quan hệ địa lí. - Phân tích các bảng số liệu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ. 	
17	17					
18	18	Kiểm tra HKI	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức, kỹ năng về tự nhiên, dân cư, kinh tế châu Á. Các khu vực Tây 	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện được kiến thức, kỹ năng đã học qua đề kiểm tra. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tập trung trên lớp. Đề kiểm tra của PGD. 	

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			Nam Á, Nam Á, Đông Á.			

HỌC KỲ II
Từ tuần 19 đến tuần 35 (thực học)

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
19	19	Bài 14. Đông Nam Á đất liền và hải đảo.	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí, giới hạn của khu vực Đông Nam Á. - Đặc điểm tự nhiên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí, lãnh thổ khu vực Đông Nam Á (gồm phần bán đảo Trung Ấn và quần đảo Mã Lai) và ý nghĩa của vị trí đó. - Đặc điểm tự nhiên của khu vực: Địa hình đồi núi là chính, đồng bằng màu mỡ nằm trong vành đai khí hậu xích đạo và nhiệt đới gió mùa, sông ngòi có chế độ nước theo mùa, rừng rậm thường xanh chiếm phần lớn diện tích. - Đọc và khai thác kiến thức từ bản đồ tự nhiên để nhận biết vị trí khu vực ĐNÁ trong châu Á và trên thế giới, rút ra được ý nghĩa lớn lao của vị trí cầu nối của khu vực về kinh tế và quân sự. - Kỹ năng phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên để giải thích một số đặc điểm về khí hậu, chế độ nước sông và cảnh quan của khu vực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ. 	
	20	Bài 15. Đặc điểm dân cư, xã hội Đông Nam Á.	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm dân cư. - Đặc điểm xã hội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết được ĐNÁ có số dân đông, dân số tăng khá nhanh, sự phân bố dân cư gắn liền với đặc điểm kinh tế nông nghiệp với ngành chính là trồng trọt, trong đó trồng lúa nước chiếm vị trí hàng đầu. - Biết được sự đa dạng trong văn hóa của khu vực. - Phân tích những thuận lợi khó khăn của dân cư xã hội ĐNÁ đối với sự phát triển kinh tế xã hội - Phân tích, so sánh số liệu, sử dụng những tư liệu địa lí. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ. 	

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
20	21	Bài 16. Đặc điểm kinh tế các nước Đông Nam Á.	<ul style="list-style-type: none"> - Nền KT của các nước ĐNA phát triển khá nhanh song chưa vững chắc. - Cơ cấu kinh tế đang có những thay đổi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các nước Đông Nam Á có sự phát triển kinh tế nhanh nhưng chưa vững chắc. Nông nghiệp vẫn chiếm vai trò chính. Tuy nhiên ở 1 số nước công nghiệp đang trở thành ngành kinh tế quan trọng. - Giải thích được các đặc điểm kinh tế của Đông Nam Á do có thay đổi trong định hướng và chính sách phát triển kinh tế cho nền kinh tế bị tác động từ bên ngoài, phát triển kinh tế nhưng chưa chú trọng đến bảo vệ môi trường đe dọa sự phát triển bền vững của khu vực. Nông nghiệp vẫn đóng góp tỉ lệ đáng kể trong cơ cấu GDP - Có kĩ năng phân tích bảng số liệu, đọc bản đồ, phân tích các mối liên hệ địa lí giữa phát triển kinh tế với vấn đề khai thác tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường của các nước ĐNA. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích mối quan hệ giữa sự phát triển kinh tế với vấn đề khai thác tài nguyên thiên nhiên và BVMT của các nước ĐNA. - Tích hợp liên hệ.
	22	Bài 17. Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN).	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệp hội các nước ĐNA. - Hợp tác để phát triển KT-XH. - Việt Nam trong ASEAN. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày về hiệp hội các nước ĐNA: Quá trình thành lập, các nước thành viên. Mục tiêu hoạt động của hiệp hội - Những thuận lợi và thách thức đối với Việt Nam trong quá trình hội nhập ASEAN. - Phân tích tư liệu, số liệu, ảnh địa lí. - Đọc phân tích biểu đồ, tranh ảnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ. 	
21	23	Bài 18. Thực hành: Tìm hiểu Lào và Cam-pu-chia.	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lí. - Điều kiện tự nhiên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp các tư liệu sử dụng chúng để tìm hiểu địa lí một quốc gia Lào và Cam-pu-chia - Trình bày lại kết quả làm việc bằng văn bản (kênh chữ + kênh hình) - Phân tích lược đồ xác định vị trí địa lí, xác định sự phân bố các đối tượng địa lí, nhận xét mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên. - Cách trình bày 1 văn bản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. Thực hành. - PP thuyết trình giới thiệu. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ. 	Bài 18. Mục 3 và 4. Khuyến khích HS tự làm.
	24	Bài 23. Vị trí,	- Vị trí và giới	- Trình bày được vị trí địa lí, giới hạn (Các điểm cực Bắc,	- Dạy học trên	Tích hợp giáo

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		giới hạn, hình dạng lãnh thổ Việt Nam.	hạn lãnh thổ. - Đặc điểm lãnh thổ.	Nam, Đông, Tây), phạm vi lãnh thổ của nước ta (bao gồm cả phần đất liền và phần biển, ghi nhớ diện tích đất tự nhiên của nước ta). Nêu được ý nghĩa của vị trí địa lí nước ta về mặt tự nhiên, kinh tế - xã hội. - Biết được đặc điểm lãnh thổ VN: Kéo dài từ Bắc đến Nam, đường bờ biển uốn cong hình chữ S, phần biển Đông thuộc chủ quyền VN mở rộng về phía đông và đông nam. - Sử dụng bản đồ khu vực Đông Nam Á và bản đồ tự nhiên VN để xác định vị trí, giới hạn, phạm vi lãnh thổ, nhận xét hình dạng lãnh thổ và nêu một số đặc điểm của biển VN. - Có ý thức, hành động bảo vệ, giữ gìn độc lập chủ quyền của đất nước.	lớp. - PP thuyết trình giới thiệu. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	dục ANQP.
22	25	Bài 24. Vùng biển Việt Nam.	- Đặc điểm chung của vùng biển Việt Nam. - Tài nguyên và bảo vệ môi trường biển Việt Nam.	- Biết diện tích, trình bày được một số đặc điểm của Biển Đông và vùng biển của nước ta: Là một biển lớn tương đối kín, nằm trải rộng từ xích đạo tới chí tuyến Bắc, diện tích là 3.447.000km ² . Biển nóng quanh năm, chế độ gió, nhiệt của biển và hướng chảy của các dòng biển thay đổi theo mùa, chế độ thủy triều phức tạp. - Sử dụng bản đồ khu vực Đông Nam Á và bản đồ tự nhiên VN để xác định vị trí, giới hạn, phạm vi và nêu một số đặc điểm của biển VN. Thấy được sự cần thiết bảo vệ chủ quyền trên biển, tài nguyên biển và vấn đề bảo vệ môi trường vùng biển là rất quan trọng và cấp bách.	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, trực quan. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	- Tích hợp QP-AN. GV thuyết trình qua trực quan bản đồ. - Tích hợp bảo vệ môi trường biển.
	26					
23	27	Bài 26. Đặc điểm tài nguyên khoáng sản Việt Nam.	- Việt Nam là nước giàu tài nguyên KS. - Vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên KS.	- Biết Việt Nam là nước có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú đa dạng, nhưng phần lớn các mỏ có trữ lượng nhỏ và vừa, là nguồn lực quan trọng để CN hóa đất nước. - Mối quan hệ giữa KS với lịch sử phát triển, biết được vì sao nước ta giàu tài nguyên KS. - Hiểu được vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên khoáng	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, trực quan. Hoạt	Mục 2: Sự hình thành các vùng mỏ chính ở nước ta, không dạy. Câu hỏi 3

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				<p>sản ở nước ta hiện nay.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bản đồ khoáng sản VN, nhận xét sự phân bố các mỏ khoáng sản ở nước ta. Xác định được các mỏ khoáng sản lớn và các vùng khoáng sản trên bản đồ. - Có ý thức học tập tốt và có ý thức quý trọng và bảo vệ tài nguyên khoáng sản Việt Nam. <p><i>Tích hợp giáo dục về môi trường. Tích hợp bộ phận.</i> <i>Không đồng tình với việc khai thác khoáng sản trái phép</i></p>	động cặp đôi, nhóm nhỏ.	phần câu hỏi và bài tập, không yêu cầu học sinh trả lời.
	28	Bài 28. Đặc điểm địa hình Việt Nam.	<ul style="list-style-type: none"> - Đồi núi là bộ phận quan trọng nhất trong cấu trúc địa hình VN. - Địa hình nước ta được tân kiến tạo nâng lên và tạo thành nhiều bậc kế tiếp nhau. - Địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm và chịu sự tác động của con người. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của địa hình Việt Nam. - Biết được 3 đặc điểm cơ bản của địa hình Việt Nam. - Vai trò và mối quan hệ của địa hình với các thành phần tự nhiên khác trong môi trường tự nhiên. - Sự tác động của con người ngày càng sâu sắc làm biến đổi địa hình. - Rèn luyện kỹ năng đọc hiểu, khai thác kiến thức về địa hình Việt Nam trên bản đồ địa hình. - Kỹ năng phân tích lát cắt địa hình để nhận biết rõ được sự phân bậc của địa hình Việt Nam. - Biết Sự tác động của con người ngày càng sâu sắc làm biến đổi địa hình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, trực quan. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ. 	<i>Mục 3:</i> <ul style="list-style-type: none"> - Biết vai trò của địa hình đối với đời sống, sản xuất của con người; một số tác động tích cực, tiêu cực của con người tới địa hình ở nước ta, sự cần thiết phải bảo vệ địa hình.
24	29	Bài 29. Đặc điểm các khu vực địa hình.	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực đồi núi. - Khu vực đồng bằng. - Địa hình bờ biển và thềm lục địa. 	<p>Trình bày được.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự phân hóa đa dạng của địa hình nước ta: Đồi núi, đồng bằng, bờ biển và thềm lục địa. - Đặc điểm về cấu trúc, phân bố của các khu vực địa hình: Đồi núi, đồng bằng, bờ biển và thềm lục địa Việt Nam. - Đọc được bản đồ địa hình VN để làm rõ một số đặc điểm và sự phân bố các khu vực địa hình ở nước ta. So sánh đặc 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, trực quan. Hoạt động cặp đôi, 	

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				điểm của các khu vực địa hình.	nhóm nhỏ.	
	30	Bài 30. Thực hành: Đọc bản đồ địa hình Việt Nam.	- Xác định các dạng địa hình: Núi, thung lũng, cao nguyên ... Ảnh hưởng của địa hình đến giao thông.	- Biết được tính phức tạp, đa dạng của địa hình thể hiện ở sự phân hóa Bắc - Nam, Đông - Tây. - Nhận biết được các đơn vị địa hình cơ bản trên bản đồ. - Đọc, đo tính được dựa vào bản đồ địa hình VN - Phân tích được mối quan hệ địa lí.	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, trực quan. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	- Tích hợp QP-AN.
25	31	Ôn tập giữa HK2	- Khu vực Đông Nam Á. - Vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ VN, vùng biển, lịch sử phát triển TNVN và tài nguyên khoáng sản và địa hình VN.	- Hiểu và trình bày được các đặc điểm chính về tự nhiên, dân cư, kinh tế, xã hội của các nước khu vực Đông Nam Á. - Một số đặc điểm về vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ VN, vùng biển, tài nguyên khoáng sản và địa hình VN. - Phát triển khả năng tổng hợp hệ thống hóa kiến thức, xác lập mối quan hệ giữa các yếu tố TN, giữa TN và hoạt động sx của con người.	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, trực quan. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	
	32					
26	33	Kiểm tra giữa HK2	- Kiến thức và kỹ năng khu vực ĐNA, vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ VN, vùng biển, tài nguyên khoáng sản và địa hình VN.	- Hiểu và trình bày được các đặc điểm chính về tự nhiên, dân cư, kinh tế, xã hội của các nước khu vực Đông Nam Á. - Một số đặc điểm về vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ VN, vùng biển, tài nguyên khoáng sản và địa hình VN. - Có kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài theo yêu cầu.	- Làm bài kiểm tra trên lớp.	
	34	Trả bài kiểm tra giữa HK2		- Rút kinh nghiệm qua kiểm tra giữa HK2	- Trên lớp học	
27	35	Bài 31. Đặc	- Tính chất nhiệt	- Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của khí hậu	- Dạy học trên	- Tích hợp

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		điểm khí hậu Việt Nam.	đới gió mùa ẩm. - Tính chất đa dạng và thất thường.	VN (2 đặc điểm chính của khí hậu VN) + Tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm: Thể hiện qua số giờ nắng, nhiệt độ TB năm, hướng gió, lượng mưa và độ ẩm. + Tính chất đa dạng, thất thường: Phân hóa theo thời gian, không gian. - Phân tích bản đồ khí hậu để làm rõ một số đặc điểm của khí hậu nước ta và của mỗi miền - Phân tích về nhiệt độ, lượng mưa của một số địa điểm. - <i>Mục 2: Tính chất đa dạng và thất thường.</i> - <i>Biết một số ảnh hưởng của khí hậu đối với đời sống, sản xuất của người dân VN.</i> - <i>Biết thời tiết, khí hậu VN trong những năm gần đây có những biến động phức tạp và nguyên nhân của nó.</i> - <i>Biết một số biện pháp bảo vệ bầu không khí trong lành.</i>	lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, trực quan. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	GD môi trường. Tích hợp bộ phận. Không đồng tình với những hành vi gây ô nhiễm không khí.
	36	Bài 32. Các mùa khí hậu và thời tiết ở nước ta.	- Gió mùa đông bắc từ tháng 11 → tháng 4 (mùa đông) - Gió mùa tây nam từ tháng 5 → tháng 10 (mùa hạ) - Những thuận lợi và khó khăn do khí hậu mang lại.	- Trình bày được những nét đặc trưng về khí hậu và thời tiết của 2 mùa gió: Mùa gió Đông Bắc và mùa gió Tây Nam. - Sự khác biệt về khí hậu, thời tiết của 3 miền: Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ - Trình bày được những thuận lợi - khó khăn do khí hậu mang lại đối với đời sống và sản xuất của nhân dân ta. - Phân tích bảng số liệu về nhiệt độ, lượng mưa của một số địa điểm.	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, trực quan. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	- Tích hợp toàn phần về GD môi trường. - Biết một số biện pháp phòng chống thiên tai do thời tiết, khí hậu gây ra.
28	37	Bài 33. Đặc điểm sông ngòi Việt Nam.	- Đặc điểm chung. - Khai thác kinh tế và bảo vệ sự	- Trình bày và giải thích được những đặc điểm chung của sông ngòi VN. - Mối quan hệ giữa sông ngòi nước ta với các nhân tố tự nhiên và xã hội (Địa chất, địa hình, khí hậu và con người).	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới	- Tích hợp bộ phận về GD môi trường. - Nhận biết

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			trong sạch của các dòng sông.	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những thuận lợi và khó khăn của sông ngòi đối với đời sống, sản xuất và sự cần thiết phải bảo vệ nguồn nước sông trong sạch. - Sử dụng bản đồ để trình bày đặc điểm chung của sông ngòi nước ta: Mạng lưới, hướng chảy, chế độ nước, lượng phù sa. - Phân tích bảng số liệu, thống kê về sông ngòi VN. - Có trách nhiệm bảo vệ môi trường và các dòng sông để phát triển kinh tế bền vững. 	thiệu, trực quan. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	được hiện tượng nước sông bị ô nhiễm qua tranh ảnh và trên thực tế.
	38	Bài 34. Các hệ thống sông lớn ở nước ta.	<ul style="list-style-type: none"> - Sông ngòi Bắc Bộ. - Sông ngòi Trung Bộ. - Sông ngòi Nam Bộ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu và giải thích được sự khác nhau về chế độ nước, về mùa lũ của 3 vùng thủy văn: Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ. Biết một số hệ thống sông lớn ở nước ta. - Trình bày được một số hiểu biết về khai thác các nguồn lợi sông ngòi và giải pháp phòng chống lũ lụt ở nước ta. - Sử dụng bản đồ để trình bày đặc điểm chung của sông ngòi nước ta và các hệ thống sông lớn: HT sông Hồng, sông Thái Bình, sông Mê Kông và sông Đồng Nai. - Phân tích bảng thống kê về sông ngòi VN. - Có trách nhiệm bảo vệ môi trường và các dòng sông để phát triển kinh tế bền vững. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, trực quan. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ. 	GD môi trường.
29	39	Bài 35. Thực hành: Về khí hậu, thủy văn Việt Nam.	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ biểu đồ chế độ mưa và chế độ chảy của lưu vực sông Hồng ở trạm Sơn Tây, và lưu vực sông Gianh ở trạm Đồng Tâm. - Tính thời gian mùa mưa, mùa lũ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Củng cố các kiến thức cơ bản về khí hậu - thủy văn VN - Vẽ biểu đồ lưu lượng chảy và mưa của 2 lưu vực sông. - Phân tích và xử lý số liệu về khí hậu - thủy văn. - Phân tích mối quan hệ giữa lượng mưa của khí hậu với lượng chảy của sông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. Thực hành. - PP thuyết trình giới thiệu, trực quan. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ. 	

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			- Nhận xét mối quan hệ giữa mùa mưa với mùa lũ.			
	40	- Ôn tập. (Từ bài 28 đến bài 34).	- Địa hình, khí hậu, sông ngòi Việt Nam.	- Trình bày được đặc điểm địa hình Việt Nam, các khu vực địa hình. Đặc điểm khí hậu Việt Nam, sông ngòi Việt Nam, các hệ thống sông lớn ở nước ta. - Xác định được hướng địa hình, các khu vực địa hình, các miền khí hậu, sông và các hệ thống sông lớn, biết được mối liên hệ giữa các thành phần tự nhiên: Địa hình, khí hậu sông ngòi.	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, trực quan. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	
30	41	Bài 36. Đặc điểm đất Việt Nam.	- Đặc điểm chung của đất VN. - Vấn đề sử dụng và cải tạo đất ở VN.	- Chứng minh được tính chất nhiệt đới gió mùa của lớp phủ thổ nhưỡng. - Trình bày được đặc điểm phân bố của ba nhóm đất chính. - Phân tích được đặc điểm của đất feralit và giá trị sử dụng đất feralit trong sản xuất nông, lâm nghiệp. - Phân tích được đặc điểm của đất phù sa và giá trị sử dụng của đất phù sa trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản. - Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề chống thoái hóa đất. - Phân tích bản đồ đất VN, phân tích bảng số liệu về tỉ lệ 3 nhóm đất chính.	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, trực quan. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	- Tích hợp bộ phận về GD môi trường. - Nhận biết được hiện tượng đất đai bị suy thoái qua tranh ảnh và trên thực tế.
	42	Bài 37. Đặc điểm sinh vật Việt Nam.	- Đặc điểm chung. - Sự giàu có về thành phần loài. - Sự đa dạng về hệ sinh thái.	- Chứng minh được sự đa dạng của sinh vật ở Việt Nam. - Trình bày được đặc điểm chung của tài nguyên sinh vật nước ta (sự phong phú, đa dạng về thành phần loài và hệ sinh thái). Nắm được các kiểu hệ sinh thái rừng ở nước ta và phân bố của chúng. - Nêu được giá trị của tài nguyên sinh vật, nguyên nhân của sự suy giảm và sự cần thiết phải bảo vệ nguồn tài nguyên	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, trực quan. Hoạt động cặp đôi,	- Tích hợp toàn phần về GD môi trường. - Xác định trên bản đồ vị trí các vườn

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				sinh vật ở VN. - Đọc và phân tích bản đồ sinh vật VN. - Phân tích bảng số liệu về diện tích rừng. - Có thái độ học tập tốt, có ý thức bảo vệ tài nguyên môi trường sinh vật của nước ta.	nhóm nhỏ.	quốc gia của Việt Nam.
31	43	Bài 38. Bảo vệ tài nguyên sinh vật Việt Nam.	- Giá trị của tài nguyên sinh vật. - Bảo vệ tài nguyên rừng. - Bảo vệ tài nguyên động vật.	- Trình bày được vai trò của tài nguyên sinh vật đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của nhân dân ta. - Hiểu được thực tế về số lượng cũng như chất lượng nguồn tài nguyên sinh vật nước ta hiện nay ngày càng suy giảm. - Phân tích tranh ảnh, bản đồ sinh vật VN, liên hệ thực tế địa phương, - Có ý thức bảo vệ nguồn tài nguyên sinh vật ở xung quanh ta. - Có thái độ học tập tốt, có ý thức bảo vệ tài nguyên môi trường sinh vật của nước ta. - Biết hiện trạng, nguyên nhân suy giảm tài nguyên SV và sự cần thiết phải bảo vệ TNSV nước ta. - Biết Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách và luật để bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng.	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, trực quan. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	- Tích hợp toàn phần về GD môi trường. - Có ý thức bảo vệ các loài động, thực vật ở địa phương, đất nước, không đồng tình, không tham gia các hoạt động phá hoại cây cối, săn bắt chim thú...
	44	Bài 40. Thực hành: Đọc lát cắt tự nhiên tổng hợp.	- Xác định tuyến cắt. - Đọc thành phần tự nhiên trên tuyến cắt. - Trình bày sự khác biệt về khí hậu qua biểu đồ	- Củng cố kiến thức địa lí cơ bản về địa lí TNVN: địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, sinh vật, đất ... - Phân tích lát cắt thấy được cấu trúc đứng, cấu trúc ngang của một lát cắt tự nhiên tổng hợp. - Phân tích được mối quan hệ chặt chẽ giữa các t/p TN: Địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, thực vật... - Hiểu được sự phân hóa lãnh thổ tự nhiên (đồi, núi, cao	- Dạy học trên lớp. Thực hành. - PP thuyết trình giới thiệu, trực quan. Hoạt động cặp đôi,	

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			nhiệt độ và lượng mưa.	nguyên, đồng bằng, ...) theo một tuyến cắt cụ thể dọc dãy Hoàng Liên Sơn từ Lào Cai → Thanh Hóa. - Biết đọc lát cắt địa lí tự nhiên tổng hợp. - Có thái độ học tập tốt, có ý thức hợp tác nhóm trong thực hành.	nhóm nhỏ.	
32	45	Bài 41. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.	- Vị trí và phạm vi lãnh thổ. - Tính chất nhiệt đới bị giảm sút mạnh mẽ, mùa đông lạnh nhất cả nước. - Địa hình phần lớn là đồi núi thấp với nhiều cánh cung núi mở rộng về phía Bắc và quy tụ ở Tam Đảo. - Tài nguyên phong phú, đa dạng và nhiều cảnh quan đẹp nổi tiếng.	- Trình bày được vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ. - Nêu và giải thích được một số đặc điểm nổi bật về địa lí tự nhiên của miền. - Biết những khó khăn do thiên nhiên gây ra và vấn đề khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường của miền. - Trình bày vị trí, giới hạn của miền qua bản đồ - Phân tích bản đồ, lát cắt địa lí, bảng số liệu thống kê. - Phân tích số liệu về sự biến động tài nguyên khoáng sản, tài nguyên rừng của miền. - Vẽ và phân tích biểu đồ khí hậu của một số địa điểm trong miền. - Có thái độ học tập tốt, có ý thức bảo vệ tài nguyên môi trường của miền.	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, trực quan. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	<i>(Câu 1 phần câu hỏi và bài tập, không yêu cầu học sinh trả lời).</i> - Tích hợp bộ phận về GD môi trường. - Nhận biết hiện tượng xói mòn đất và ô nhiễm biển ở một số địa phương trong miền.
	46	Bài 42. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.	- Vị trí, phạm vi lãnh thổ: - Địa hình cao nhất Việt Nam: - Khí hậu đặc biệt do tác động	- Biết được vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ. - Nêu và giải thích được một số đặc điểm nổi bật về địa lí tự nhiên của miền. - Biết những khó khăn do thiên nhiên gây ra và vấn đề khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường của miền.	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, trực quan. Hoạt	- Tích hợp bộ phận về GD môi trường.

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			của địa hình: - Tài nguyên phong phú đang được điều tra, khai thác: - Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai:	- Trình bày vị trí, giới hạn của miền qua bản đồ - Phân tích bản đồ, lát cắt địa lí, bảng số liệu thống kê. - Vẽ và phân tích biểu đồ khí hậu của một số địa điểm trong miền. - Có thái độ học tập tốt, có ý thức bảo vệ tài nguyên môi trường của miền.	động cặp đôi, nhóm nhỏ.	
33	47	Bài 43. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.	- vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ: - Một miền nhiệt đới gió mùa nóng quanh năm, có mùa khô sâu sắc: - Trường Sơn nam hùng vĩ và đồng bằng nam bộ rộng lớn: - Tài nguyên phong phú và tập trung, dễ khai thác:	- Trình bày được vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ. - Nêu và giải thích được một số đặc điểm nổi bật về địa lí tự nhiên của miền. - Biết những khó khăn do thiên nhiên gây ra và vấn đề khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường của miền. - Phân tích so sánh với 2 miền địa lí đã học. - Phân tích bản đồ, biểu đồ, các mối liên hệ địa lí. - Có thái độ học tập tốt, có ý thức bảo vệ tài nguyên môi trường của miền.	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, trực quan. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	- Tích hợp bộ phận về GD môi trường. - Phân tích, so sánh các số liệu về tài nguyên của miền so với các miền khác trong cả nước.
	48	Bài 44. Thực hành tìm hiểu địa phương	Tìm hiểu theo yêu cầu bài thực hành.	- Tên địa điểm. - Hình dạng cấu trúc. - Lịch sử. - Vai trò và ý nghĩa của địa điểm.	- Thực địa đo đạc và viết báo cáo.	
34	49	Ôn tập HK2	- Địa lí tự nhiên Việt Nam.	- củng cố kiến thức cơ bản về đặc điểm tự nhiên VN: Địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, sinh vật, đặc điểm chung của	- Dạy học trên lớp.	

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	50			tự nhiên VN và 3 miền địa lí tự nhiên. - Phát triển khả năng tổng hợp, khái quát hóa các kiến thức cơ bản đã học. - Củng cố và phát triển các kỹ năng phân tích bản đồ, lược đồ, bảng số liệu thống kê, xác lập các mối quan hệ địa lí.	- PP thuyết trình giới thiệu, trực quan. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	
35	51	Kiểm tra HK2	- Kiểm tra phần địa lí tự nhiên VN.	- Làm được bài tập trắc nghiệm và tự luận theo yêu cầu đề kiểm tra.	Kiểm tra trên lớp theo lịch của PGD.	
	52	Trả bài kiểm tra HK2		- Rút kinh nghiệm qua kiểm tra HK2	- Trên lớp học	

PHÒNG GD&ĐT NÚI THÀNH TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI TỔ: XÃ HỘI	KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC - NĂM HỌC 2022-2023 MÔN: ĐỊA LÍ KHỐI: 9
---	--

HỌC KỲ I
Từ tuần 1 đến tuần 18 (thực học)

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	1	<i>Bài 1. Cộng đồng các dân tộc Việt Nam.</i>	- Các dân tộc ở VN. - Phân bố các dân tộc.	- Nêu được một số đặc điểm về dân tộc : Việt Nam có 54 dân tộc ; mỗi dân tộc có đặc trưng về văn hoá thể hiện trong ngôn ngữ, trang phục, phong tục, tập quán. - Biết dân tộc có trình độ phát triển kinh tế khác nhau, chung sống đoàn kết, cùng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. - Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				<p>Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích bảng số liệu, biểu đồ về số dân phân theo thành phần dân tộc - Thu thập thông tin về một dân tộc (số dân, đặc điểm về phong tục, tập quán, trang phục... 		
	2	Bài 2. Dân số và gia tăng dân số.	<ul style="list-style-type: none"> - Số dân. - Gia tăng dân số. - Cơ cấu dân số. 	<p>Trình bày được một số đặc điểm dân số nước ta; nguyên nhân và hậu quả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số đặc điểm của dân số: <ul style="list-style-type: none"> + Số dân (dân số đông, nhớ được số dân của nước ta ở thời điểm gần nhất). + Gia tăng dân số: gia tăng dân số nhanh (dẫn chứng). + Cơ cấu dân số: Theo độ tuổi (Cơ cấu dân số trẻ), giới tính, cơ cấu dân số theo tuổi và giới đang có sự thay đổi. - Nguyên nhân và hậu quả. <ul style="list-style-type: none"> + Nguyên nhân (kinh tế – xã hội). + Hậu quả (sức ép đối với tài nguyên môi trường, kinh tế – xã hội). <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ và nhận xét được biểu đồ về gia tăng dân số. - Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ. 	<p>Mục II: Gia tăng dân số</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tích hợp bộ phận GD môi trường - Hiểu dân số đông và gia tăng dân số nhanh đã gây sức ép đối với tài nguyên, môi trường; thấy được sự cần thiết phải phát triển dân số có kế hoạch để tạo sự cân bằng giữa dân số và môi trường, tài nguyên nhằm phát triển bền vững.
2	3	Bài 3. Phân bố dân cư và các loại hình quần cư.	<ul style="list-style-type: none"> - Mật độ dân số và phân bố dân cư. - Các loại hình 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm mật độ dân số và sự phân bố dân cư của nước ta - Trình bày được sự khác biệt giữa quần cư thành thị và quần cư nông thôn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn 	

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			quần cư. - Đô thị hóa.	- Đọc bản đồ Dân số Việt Nam để rút ra được đặc điểm phân bố dân cư. -Biết phân tích biểu đồ “phân bố dân cư và đô thị Việt Nam” và một số bảng số liệu về dân cư. -Ý thức được sự cần thiết phải phát triển đô thị trên cơ sở phát triển công nghiệp, bảo vệ môi trường đang sống. -Chấp hành các chính sách của nhà nước về phân bố dân cư.	đáp. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	
	4	Bài 4. Lao động và việc làm. Chất lượng cuộc sống.	- Nguồn LĐ và sử dụng LĐ. - Vấn đề việc làm. Chất lượng cuộc sống.	- Hiểu và trình bày được đặc điểm của nguồn lao động và việc sử dụng lao động ở nước ta. - Biết được sức ép của dân số đối với việc giải quyết việc làm. - Trình bày được hiện trạng chất lượng cuộc sống ở nước ta. - Phân tích được vấn đề việc làm ở địa phương. - Nhận xét được sự phân hoá thu nhập theo vùng từ bảng số liệu cho trước - Phân tích biểu đồ, bảng số liệu về cơ cấu lao động phân theo thành thị, nông thôn, theo đào tạo; cơ cấu sử dụng lao động theo ngành; cơ cấu sử dụng lao động theo thành phần kinh tế ở nước ta. -Ý thức được sự cần thiết phải có quy mô dân số gia đình hợp lí.	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	- Tích hợp bộ phận GD môi trường. - Phân tích mối quan hệ giữa môi trường sống và chất lượng cuộc sống.
3	5	Bài 5. Thực hành: Phân tích và so sánh tháp dân số năm 1989 và năm 1999.	- So sánh 2 tháp dân số. - Nhận xét sự thay đổi cơ cấu dân số. - Những thuận lợi	-Biết cách so sánh tháp dân số. -Tìm được sự thay đổi và xu hướng thay đổi cơ cấu dân số theo tuổi ở nước ta. -Xác lập mối quan hệ giữa gia tăng dân số theo tuổi giữa dân số và phát triển kinh tế- xã hội của đất nước. -Rèn luyện, củng cố và hình thành ở mức độ cao kĩ	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp. Hoạt động cặp đôi, nhóm	

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			và khó khăn trong cơ cấu dân số theo độ tuổi.	năng đọc và phân tích so sánh tháp tuổi để giải thích các xu hướng thay đổi cơ cấu theo tuổi.	nhỏ.	
	6	Bài 6. Sự phát triển nền kinh tế Việt Nam.	- Nền kinh tế nước ta trong thời kỳ đổi mới.	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, những thành tựu và khó khăn trong quá trình phát triển. - Phân tích biểu đồ, số liệu thống kê để nhận xét sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta. - Đọc bản đồ, lược đồ các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm của nước ta. - Rèn kĩ năng đọc bản đồ, vẽ biểu đồ cơ cấu (biểu đồ tròn) và nhận xét biểu đồ. <p>Tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không ủng hộ những hoạt động kinh tế có tác động xấu đến môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ. 	Mục I. Nền kinh tế nước ta trước thời kỳ đổi mới. <i>Khuyến khích HS tự học.</i>
4	7	Bài 7. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhân tố tự nhiên (đất, khí hậu, nước, sinh vật) - Các nhân tố KT-XH (dân cư-lao động, cơ sở vật chất, chính sách, thị trường) 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vai trò các nhân tố tự nhiên và kinh tế- xã hội đối với phát triển và phân bố nông nghiệp ở nước ta. - Phân tích được các nhân tố trên đã ảnh hưởng đến sự hình thành nền nông nghiệp nước ta là nền nông nghiệp nhiệt đới, phát triển theo hướng thâm canh và chuyên môn hoá. - Rèn kĩ năng đánh giá giá trị kinh tế các tài nguyên thiên nhiên. - Biết sơ đồ hoá các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp. - Biết liên hệ với thực tiễn ở địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. <p>Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.</p>	Tích hợp giáo dục môi trường. - Không ủng hộ những hoạt động làm ô nhiễm, suy thoái và suy giảm đất, nước, khí hậu, sinh vật.
	8	Bài 8. Sự phát triển và phân bố nông	<ul style="list-style-type: none"> - Ngành trồng trọt. - Ngành chăn 	- Trình bày được đặc điểm phát triển trỉn và phân bố một số cây trồng, vật nuôi chủ yếu và một số xu hướng phát triển trong sản xuất nông nghiệp hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình 	- Giáo dục ý thức BVMT: Phân tích mối quan hệ

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		ngiệp.	nuôi.	<p>nay.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được sự phân bố sản xuất nông nghiệp với việc hình thành các vùng sản xuất tập trung, các sản phẩm sản xuất nông nghiệp chủ yếu. - Rèn kĩ năng phân tích bảng số liệu, kĩ năng phân tích sơ đồ ma trận về phân bố các cây công nghiệp theo vùng. - Biết đọc lược đồ nông nghiệp Việt Nam. <p>Ý thức nghiên cứu các đối tượng tự nhiên và xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp nước ta.</p>	<p>giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế.</p> <p>Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ</p>	giữa sản xuất nông nghiệp và môi trường.
5	9	Bài 9. Sự phát triển và phân bố sản xuất lâm nghiệp, thủy sản.	<ul style="list-style-type: none"> - Ngành Lâm nghiệp. - Ngành Thủy sản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các loại rừng ở nước ta; vai trò của ngành lâm nghiệp trong việc phát triển kinh tế- xã hội và bảo vệ môi trường; các khu vực phân bố chủ yếu của ngành lâm nghiệp. - Biết được nước ta có nguồn lợi khá lớn về thủy sản, cả về thủy sản nước ngọt, mặn, lợ. Những xu hướng mới trong phát triển và phân bố ngành thủy sản. - Phân tích bản đồ, lược đồ lâm nghiệp, thủy sản hoặc Atlas Địa lí Việt Nam để thấy rõ sự phân bố của các loại rừng, bãi tôm cá; vị trí các ngư trường trọng điểm. - Phân tích bảng số liệu, biểu đồ để hiểu và trình bày sự phát triển của lâm nghiệp, thủy sản. - Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. <p>Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ</p>	<p>GD môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức BVTN trên cạn lẫn dưới nước. - Không đồng tình với những hành vi phá hoại môi trường rừng và biển. <p><i>Câu hỏi 3 phần câu hỏi và bài tập. Thay vẽ biểu đồ 3 đường thành vẽ biểu đồ hình cột.</i></p>
	10	Bài 10. Thực hành: Vẽ và phân tích biểu	- Vẽ biểu đồ hình tròn. Biểu đồ đường biểu diễn.	<ul style="list-style-type: none"> - củng cố và bổ sung kiến thức lí thuyết về ngành trồng trọt và ngành chăn nuôi - Rèn luyện kỹ năng xử lí bảng số liệu theo các yêu 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. Thực hành. - PP thuyết trình 	

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		đồ về sự thay đổi cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo các loại cây, sự tăng trưởng đàn gia súc, gia cầm.	- Nhận xét.	cầu riêng của vẽ biểu đồ. - Rèn luyện kỹ năng vẽ biểu đồ cơ cấu (hình tròn) và kỹ năng vẽ biểu đồ đường. - Rèn luyện kỹ năng đọc biểu đồ, rút ra nhận xét và giải thích. - Tư duy xử lý thông tin.	giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ	
6	11	<i>Bài 11.</i> Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.	- Các nhân tố tự nhiên (khoáng sản, thủy năng, nguyên liệu từ các ngành nông-lâm-thủy sản) - Các nhân tố kinh tế-xã hội.	- Trình bày được vai trò của các nhân tố tự nhiên và kinh tế- xã hội đối với sự phát triển và phân bố công nghiệp nước ta. - Hiểu việc lựa chọn cơ cấu ngành và cơ cấu lãnh thổ công nghiệp phù hợp phải xuất phát từ việc đánh giá đúng tác động của các nhân tố này. - Có kỹ năng đánh giá ý nghĩa kinh tế của các tài nguyên thiên nhiên. - Có kỹ năng sơ đồ hoá các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp. - biết vận dụng những kiến thức đã học để lí giải một số hiện tượng địa lí kinh tế. - Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ	- Giáo dục ý thức bảo vệ tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng. (Tích hợp bộ phận)
	12	<i>Bài 12.</i> Sự phát triển và phân bố công nghiệp.	- Cơ cấu ngành CN. - Các ngành CN trọng điểm. - Các trung tâm CN lớn.	- Trình bày được sự phát triển và phân bố của một trong các ngành công nghiệp chủ yếu. - Biết được 2 khu vực tập trung công nghiệp lớn nhất là đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận, Đông Nam Bộ - Biết được 2 trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước là TPHCM và Hà Nội	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. Hoạt động cặp	- Tích hợp liên hệ GD môi trường. - Phân tích mối quan hệ giữa tài nguyên thiên nhiên và môi trường với hoạt

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được trên bản đồ các trung tâm công nghiệp chính. - Giải thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh. - Đọc và phân tích được biểu đồ cơ cấu công nghiệp, lược đồ các nhà máy và các mỏ than, dầu khí, lược đồ các trung tâm công nghiệp Việt Nam. - Nhận thức được phân bố công nghiệp không đều ở nước ta ảnh hưởng đến khai thác tài nguyên và môi trường. 	đôi, nhóm nhỏ.	động sản xuất công nghiệp. <i>(Mục II: Các ngành công nghiệp trọng điểm; phần 3: Một số ngành công nghiệp nặng khác (không dạy). Câu hỏi 3 phần câu hỏi và bài tập, không yêu cầu học sinh trả lời).</i>
7	13	Bài 13. Vai trò, đặc điểm phát triển và phân bố của dịch vụ.	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ cấu và vai trò của dịch vụ trong nền kinh tế. - Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành dịch vụ ở nước ta. 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết được cơ cấu và vai trò của ngành dịch vụ - Hiểu được khi nền kinh tế càng phát triển thì dịch vụ càng đa dạng. - Giải thích được vì sao dịch vụ nước ta phân bố không đều (qua biểu đồ) - Lập được sơ đồ các ngành dịch vụ theo mẫu câu 1 trg 50. - Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ. 	
	14	Bài 14. Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông.	<ul style="list-style-type: none"> - Giao thông vận tải. - Bưu chính viễn thông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết được vai trò, ý nghĩa của các hoạt động dịch vụ GTVT, BCVT đối với đời sống và sự phát triển kinh tế đất nước. - Trình bày được sự phát triển của ngành GTVT. - Xác định được trên bản đồ các tuyến đường bộ huyết mạch, các tuyến đường sắt, các cảng biển lớn 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục QPAN, giao thông vận tải và bưu chính viễn thông gắn liền với quốc phòng

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				và các sân bay quốc tế chính. - Trình bày được sự phát triển ngành bưu chính viễn thông.	Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	và an ninh.
8	15	Bài 15. Thương mại và du lịch.	- Thương mại. - Du lịch.	- Biết được vai trò, ý nghĩa của các hoạt động TM, DL đối với đời sống và sự phát triển kinh tế đất nước. - Biết những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển TM, DL. - H15.1, giải thích sự phân bố không đều của hoạt động nội thương ở nước ta. - Nêu những điều kiện cần thiết để phát triển du lịch. - Nhận xét biểu đồ H15.6 kể tên các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nước ta. - Phân tích những điều kiện thuận lợi để HN và TPHCM trở thành trung tâm thương mại, dịch vụ lớn nhất nước. - Tác động của ngành du lịch đến sự phát triển các ngành KT. - Vận dụng kiến thức đã học để giải thích vì sao nước ta buôn bán nhiều nhất với thị trường châu Á-TBD. - Phân tích được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch.	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	- Tích hợp liên hệ về GD môi trường. - Biết phân tích, đánh giá các tiềm năng du lịch. - Có ý thức trách nhiệm với cộng đồng trong vấn đề bảo vệ tài nguyên du lịch.
	16	Bài 16. Thực hành: Vẽ biểu đồ về sự thay đổi cơ cấu kinh tế.	- Vẽ biểu đồ miền thể hiện cơ cấu KT nước ta thời kỳ 1991 – 2002. - Nhận xét.	- Củng cố lại kiến thức đã học về cơ cấu kinh tế theo ngành sản xuất ở nước ta. Bài 6.. - Rèn luyện kỹ năng vẽ và phân tích biểu đồ cơ cấu bằng biểu đồ miền.	- Dạy học trên lớp. Thực hành. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ	
9	17	Bài 17. Vùng	- Vị trí địa lí và	- Trình bày được đặc điểm phân hoá thiên nhiên giữa	- Dạy học trên	Giáo dục ý thức

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		trung du và miền núi Bắc Bộ.	giới hạn lãnh thổ. - Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên. - Đặc điểm dân cư, xã hội.	Đông Bắc và Tây Bắc; các thế mạnh để phát triển công nghiệp, lâm – nông – thủy sản, du lịch. – Vẽ được sơ đồ tư duy thể hiện các thế mạnh về tự nhiên để phát triển kinh tế – xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. - Nhận xét được đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc, phân bố dân cư và chất lượng cuộc sống dân cư (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). - Biết vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng giàu về khoáng sản, thủy điện và đa dạng sinh học - song tài nguyên rừng ngày càng cạn kiệt chất lượng môi trường của vùng bị giảm sút nghiêm trọng. - Hiểu được việc phát triển kinh tế, nâng cao đời sống các dân tộc trong vùng phải đi đôi với BVMT tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên. - Xác định trên bản đồ, lược đồ vị trí, giới hạn của vùng. - Phân tích các bản đồ (lược đồ) Địa lí tự nhiên, kinh tế từng vùng trong cả nước hoặc Atlas địa lí VN để hiểu và trình bày đặc điểm tự nhiên của vùng. - Phân tích các bảng số liệu để hiểu và trình bày đặc điểm dân cư, XH, tình hình phát triển k/tế của vùng. - Sử dụng bản đồ tự nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ để phân tích tiềm năng tự nhiên của vùng.	lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ	BVMT
	18	Ôn tập giữa HK1	- Cộng đồng các dân tộc VN. - Đặc điểm dân cư VN. - Tình hình phát	- Ôn lại các kiến thức đã học từ bài 1 đến bài 16 (Địa lí dân cư, địa lí kinh tế chung của nước ta). - Phương pháp vẽ các dạng biểu đồ. - Phân tích nhận xét các lược đồ, bản số liệu về dân cư và kinh tế.	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực	

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			triển kinh tế và các ngành KT VN.		tế. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ	
10	19	Kiểm tra giữa HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức cơ bản về dân cư và kinh tế chung Việt Nam. - Kỹ năng làm bài, vẽ biểu đồ, phân tích bảng số liệu. 	- Làm được bài kiểm tra ở 2 dạng trắc nghiệm và tự luận.	- Dạy học trên lớp.	
	20	Trả bài kiểm tra giữa HK1		- Rút kinh nghiệm qua kiểm tra giữa HK1	Trên lớp học.	
11	21	<i>Bài 18. Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ (tt).</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tình hình phát triển kinh tế. - Các trung tâm KT. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu những vấn đề cơ bản tình hình phát triển kinh tế ở trung du và miền núi Bắc bộ về công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ - Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). - Nhận biết vị trí và tầm quan trọng của các trung tâm kinh tế trong vùng. - Nắm vững phương pháp so sánh các yếu tố địa lí. - Khai thác các kênh chữ, kênh hình để phân tích, giải thích những kiến thức, các câu hỏi trong bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ 	Bài 19. Thực hành: Đọc bản đồ, phân tích và đánh giá ảnh hưởng của tài nguyên khoáng sản đối với phát triển công nghiệp ở trung du và miền núi Bắc Bộ. <i>Không yêu cầu HS làm.</i>
	22	<i>Bài 20. Vùng đồng bằng sông Hồng.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ. - Điều kiện tự nhiên và tài 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. - Phân tích được thế mạnh của vùng về tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông – lâm – thủy 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn 	- Tích hợp bộ phận về GD môi trường.

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			nguyên thiên nhiên. - Đặc điểm dân cư, xã hội.	sản; vấn đề phát triển kinh tế biển. - Phân tích được đặc điểm dân cư, nguồn lao động và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng. - Phân tích được vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng; vị thế của Thủ đô Hà Nội. - Đọc được lược đồ kết hợp với kênh chữ để giải thích được một số ưu thế và hạn chế của vùng đông dân và một số giải pháp để phát triển bền vững. Giáo dục ý thức BVMT.	đáp, liên hệ thực tế. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ	
12	23	Bài 21. Vùng đồng bằng sông Hồng. (tt)	- Tình hình phát triển kinh tế. - Các trung tâm KT.	- Trình bày được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Hồng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu) - Biết được vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc đang tác động mạnh đến sản xuất và đời sống dân cư. Có thành phố Hà Nội, Hải Phòng là 2 Trung tâm kinh tế lớn và quan trọng của đồng bằng sông Hồng. - Nhận biết vị trí, giới hạn và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. - Biết kết hợp kênh hình và kênh chữ để giải thích một số vấn đề bức xúc của vùng. - Suu tầm tư liệu và trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ	Giáo dục ý thức BVMT.
	24	Bài 22. Thực hành: Vẽ và phân tích biểu đồ mối quan hệ giữa dân số, sản lượng lương thực và	- Vẽ biểu đồ đường thể hiện toocjes độ tăng trưởng kinh tế. - Nhận xét biểu đồ đã vẽ.	- Cùng cố kiến thức về mối quan hệ giữa dân số sản lượng lương thực theo đầu người ở đồng bằng sông Hồng. - Vẽ và phân tích biểu đồ về mối quan hệ giữa dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người ở vùng ĐBSH. - Rèn luyện về kĩ năng vẽ biểu đồ trên cơ sở xử lí	- Dạy học trên lớp. Thực hành. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. Hoạt động cặp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		bình quân lương thực theo đầu người.		bảng số liệu. - Phân tích mối quan hệ giữa dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người.	đôi, nhóm nhỏ.	
13	25	- Ôn tập. (từ bài 17 đến bài 22)	- Vùng TDMNBB. - Vùng ĐBSH.	Ôn lại kiến thức của hai vùng kinh tế: TD & miền núi Bắc Bộ và vùng ĐBSH. - Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên & tài nguyên thiên nhiên. Ý nghĩa kinh tế của VTĐL, ĐKTN & tài nguyên thiên nhiên của hai vùng kinh tế. - Đặc điểm dân cư – xã hội của hai vùng và những thuận lợi, khó khăn đối với kinh tế. - Đặc điểm và thế mạnh kinh tế của từng vùng. Các trung tâm kinh tế. - Rèn luyện kỹ năng xác định vị trí địa lý và thiết lập, phân tích mối quan hệ địa lý giữa tự nhiên với dân cư – kinh tế.	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	
	26	Bài 23. Vùng Bắc Trung Bộ.	- Vị trí địa lý và giới hạn lãnh thổ. - Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên. - Đặc điểm dân cư, xã hội.	- Trình bày được đặc điểm phân hoá của tự nhiên và giải thích ảnh hưởng của tự nhiên đến sự hình thành cơ cấu kinh tế của vùng. - Trình bày được vấn đề phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ. - Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dân cư ở vùng Bắc Trung Bộ. - Hiểu rõ những thuận lợi và khó khăn, các biện pháp cần khắc phục và triển vọng phát triển của vùng. - Xác định được trên bản đồ vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ của vùng. - phân tích lược đồ, bản đồ, bảng số liệu một số vấn đề tự nhiên và dân cư xã hội phân hoá theo hướng Bắc- Nam, Đông- Tây.	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	Giáo dục ý thức BVMT.

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				- Rèn kỹ năng sưu tầm tài liệu.		
14	27	Bài 24. Vùng Bắc Trung Bộ. (tt)	- Tình hình phát triển kinh tế. - Các trung tâm KT.	- Hiểu rõ được so với các vùng trong nước, Bắc Trung Bộ tuy còn nhiều khó khăn nhưng có triển vọng lớn để phát triển kinh tế- xã hội. - Biết được tài nguyên của vùng, quan trọng nhất là rừng, chương trình trồng rừng, xây dựng hệ thống hồ chứa nước đã góp phần giảm nhẹ thiên tai và bảo vệ môi trường. - Phân tích được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Bắc Trung Bộ (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). - Phân tích được thế mạnh về du lịch ở vùng Bắc Trung Bộ. - Phân tích được vấn đề phát triển kinh tế biển ở vùng Bắc Trung Bộ. - Biết đọc, phân tích đánh giá biểu đồ và lược đồ kinh tế.	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	- Tích hợp bộ phận về GD môi trường.
	28	Bài 25. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.	- Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ. - Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên. - Đặc điểm dân cư, xã hội.	- Biết Duyên hải Nam Trung Bộ là cầu nối giữa Bắc Trung Bộ với Nam Trung Bộ, giữa Tây Nguyên với biển Đông, là vùng có quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của đất nước. - Hiểu rõ sự đa dạng phong phú của các điều kiện tự nhiên, tạo ra thế mạnh để phát triển kinh tế, đặc biệt kinh tế biển, cần có những biện pháp BVMT biển khỏi bị ô nhiễm. - Biết được hiện tượng sa mạc hóa có nguy cơ mở rộng ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ, việc bảo vệ và phát triển rừng trong vùng có ý nghĩa đặc biệt - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. - Phân tích được đặc điểm tự nhiên và tài nguyên	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	- Tích hợp bộ phận về GD môi trường.

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				thiên nhiên, các thế mạnh và hạn chế chính. - Trình bày được sự phân bố dân cư, dân tộc. - Rèn kĩ năng kết hợp kênh chữ với kênh hình để giải thích một số vấn đề của vùng (bảo vệ môi trường rừng, biển, bảo vệ tổ quốc ...)		
15	29	Bài 26. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. (tt)	- Tình hình phát triển kinh tế. - Các trung tâm KT.	- Phân tích được những chuyển biến trong sự phát triển và phân bố kinh tế của vùng. - Phân tích được sự phát triển của một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). - Sử dụng sơ đồ tư duy để phân tích được ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận. - Trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	
	30	Bài 27. Thực hành: Kinh tế biển của Bắc Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ.	- Xác định các đối tượng địa lí trên bản đồ. - Nhận xét bảng số liệu về kinh tế và giải thích.	- Cùng cố sự hiểu biết về cơ cấu kinh tế biển ở cả hai vùng BTB & DHNTB (gọi chung là DHMT). Bao gồm hoạt động của các hải cảng, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, làm muối, chế biến thủy sản xuất khẩu, du lịch và dịch vụ biển. - Hoàn thiện phương pháp đọc bản đồ, phân tích số liệu thống kê, liên kết không gian kinh tế giữa BTB & DHNTB.	- Dạy học trên lớp. Thực hành - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	
16	31	Bài 28. Vùng Tây Nguyên.	- Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ. - Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.	- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. - Trình bày được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng. - Nhận xét được đặc điểm dân cư, văn hoá của các dân tộc Tây Nguyên.	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế.	- Tích hợp bộ phận về GD môi trường.

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			- Đặc điểm dân cư, xã hội.	- Rèn kĩ năng xác định và phân tích bản đồ, bảng số liệu thống kê về tiềm năng tự nhiên của vùng. - Có ý thức bảo vệ môi trường rừng trong vùng, hiểu được những khó khăn cần khắc phục của vùng.	Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	
	32	Bài 29. Vùng Tây Nguyên. (tt)	- Tình hình phát triển kinh tế. - Các trung tâm KT.	- Trình bày được sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế thế mạnh của vùng Tây Nguyên; các vấn đề môi trường trong phát triển. - Nêu được các trung tâm kinh tế lớn và chức năng chủ yếu của các trung tâm: Plây-cu, Buôn Mê Thuộc, Đà Lạt. - Kĩ năng xác định và đọc biểu đồ, lược đồ địa bàn phân bố một số cây công nghiệp, các trung tâm kinh tế.	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	
17	33	Ôn tập HKI	- Ôn kiến thức từ đầu năm đến nay. Chủ yếu là các vùng KT ĐBSH→TN	- Nắm được nội dung chủ yếu của chương trình HKI, về: Đặc điểm dân cư, đặc điểm KT và các ngành kinh tế Việt Nam. Đặc điểm kinh tế và thế mạnh kinh tế của 5 vùng đã học. Thời gian nhiều hơn cho các vùng BTB, DHNTB & Tây Nguyên mới học sau này. - HS biết dựa vào lược đồ, bảng số liệu, biểu đồ để nhận xét và rút ra kiến thức cần học. biết lập sơ đồ về các mối liên hệ giữa TN và KT, vẽ được biểu đồ.	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	
	34	Ôn tập HKI (tt)	- Ôn kiến thức từ đầu năm đến nay. Chủ yếu là các vùng KT ĐBSH→TN	- Nắm được nội dung chủ yếu của chương trình HKI, về: Đặc điểm dân cư, đặc điểm KT và các ngành kinh tế Việt Nam. Đặc điểm kinh tế và thế mạnh kinh tế của 5 vùng đã học. Thời gian nhiều hơn cho các vùng BTB, DHNTB & Tây Nguyên mới học sau này. - HS biết dựa vào lược đồ, bảng số liệu, biểu đồ để nhận xét và rút ra kiến thức cần học. biết lập sơ đồ về các mối liên hệ giữa TN và KT, vẽ được biểu đồ.	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
18	35	Kiểm tra HKI	- Kiểm tra kiến thức đã học ở HKI về dân cư, kinh tế, các vùng KT Việt Nam.	- Làm được bài kiểm tra ở 2 dạng trắc nghiệm và tự luận.	- Dạy học trên lớp.	
	36	Trả bài kiểm tra HK1		- Rút kinh nghiệm qua kiểm tra HK1	Trên lớp học.	

HỌC KỲ II
Từ tuần 19 đến tuần 35 (thực học)

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
19	37	<i>Bài 30.</i> Thực hành: So sánh tình hình sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở trung du và miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên.	- So sánh tình hình SX cây CN ở TDMNBB và TN. - Viết báo cáo về tình hình SX cà phê và chè.	- Phân tích và so sánh được tình hình sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở 2 vùng Trung du Miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên về đặc điểm, những thuận lợi và khó khăn, các giải pháp phát triển bền vững. - Rèn kỹ năng sử dụng bản đồ, phân tích số liệu thống kê. - Có kỹ năng viết và trình bày bằng văn bản.	- Dạy học trên lớp. Thực hành - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	
20	38	<i>Bài 31.</i> Vùng Đông Nam Bộ.	- Vị trí địa lý và giới hạn lãnh thổ. - Điều kiện tự nhiên và tài	- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ của vùng. - Nhận biết VTĐL, GHLT của vùng ĐNB và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển KT-XH. - Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực	- Tích hợp bộ phận về GD môi trường.

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			nguyên thiên nhiên. - Đặc điểm dân cư, xã hội.	tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng. - Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hoá ở vùng Đông Nam Bộ. - Biết nguy cơ ô nhiễm môi trường do chất thải công nghiệp và đô thị ngày càng tăng. Việc bảo vệ môi trường trên đất liền và trên biển là nhiệm vụ quan trọng của vùng.	tế. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	
21	39	Bài 32. Vùng Đông Nam Bộ. (tt).	- Tình hình phát triển kinh tế. + Công nghiệp. + Nông nghiệp.	– Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế thế mạnh của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). - Biết được Đông Nam Bộ là vùng có cơ cấu KT tiên bộ nhất so với các vùng trong cả nước. Công nghiệp – xây dựng chiếm tỉ lệ cao trong GDP. Sản xuất nông nghiệp chiếm tỉ lệ nhỏ nhưng giữ vai trò quan trọng. Trình bày được đặc điểm phát triển KT của hai ngành này. - Biết được những khó khăn, hạn chế trong phát triển KT của vùng. - Biết được các khái niệm tổ chức lãnh thổ công nghiệp như khu công nghệ cao, khu chế xuất. - Tiếp tục rèn luyện kết hợp tốt kênh chữ và kênh hình để nhận xét, phân tích các vấn đề quan trọng để phát triển KT của vùng.	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	- Tích hợp bộ phận về GD môi trường.
22	40	Bài 33. Vùng Đông Nam Bộ. (tt).	- Tình hình phát triển kinh tế. + Dịch vụ. - Các trung tâm KT và vùng kinh tế trọng điểm.	- Hiểu dịch vụ là lĩnh vực kinh tế phát triển mạnh và đa dạng, sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên thiên nhiên và kinh tế- xã hội, góp phần thúc đẩy sản xuất và giải quyết việc làm. TP Hồ Chí Minh và các thành phố Biên Hoà, Vũng Tàu cũng như vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có tầm quan trọng đặc biệt đối với Đông Nam Bộ và cả nước.	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. Hoạt động cặp	Bài 34. Thực hành: Phân tích một số ngành công nghiệp trọng điểm ở Đông Nam Bộ. <i>Không yêu cầu</i>

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng. - Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh. - Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. - Nắm vững phương pháp kết hợp kênh chữ và kênh hình để phân tích và giải thích một số vấn đề bức xúc ở vùng Đông Nam Bộ. - Khai thác thông tin trong bảng và lược đồ theo câu hỏi gợi ý. 	đôi, nhóm nhỏ.	HS làm.
23	41	Bài 35. Vùng đồng bằng sông Cửu Long.	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lý và giới hạn lãnh thổ. - Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên. - Đặc điểm dân cư, xã hội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ của vùng. - Hiểu được đồng bằng Sông Cửu Long là vùng trọng điểm sản xuất lương thực- thực phẩm lớn nhất cả nước. Vị trí địa lý thuận lợi, tài nguyên đất, khí hậu, nước phong phú, đa dạng; người dân cần cù, năng động, thích ứng linh hoạt với sản xuất hàng hoá, kinh tế thị trường. Đó là điều kiện qua trọng để xây dựng Đồng bằng Sông Cửu Long (còn gọi là miền Tây nam Bộ) thành vùng kinh tế động lực. - Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng. - Phân tích được đặc điểm dân cư; một số vấn đề xã hội của vùng. - Làm quen với khái niệm sống chung với lũ ở Đồng bằng Sông Cửu Long. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ. 	- Tích hợp bộ phận về GD môi trường.
24	42	Bài 36. Vùng đồng bằng sông Cửu Long. (tt)	<ul style="list-style-type: none"> - Tình hình phát triển kinh tế. - Các trung tâm KT. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm sản xuất lương thực- thực phẩm đồng thời là vùng xuất khẩu nông sản hàng đầu của cả nước. Công nghiệp, dịch vụ bắt đầu phát triển. Các thành phố Cần 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn 	- Tích hợp bộ phận về GD môi trường.

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				<p>Thơ, Mĩ Tho, Long Xuyên, Cà Mau đang phát huy vai trò trung tâm kinh tế vùng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được sự phát triển và phân bố một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). - Tìm hiểu thông tin và phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long; đề xuất giải pháp ứng phó. - Trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long. 	<p>đáp, liên hệ thực tế.</p> <p>Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.</p>	
25	43	Ôn tập giữa HK2	Ôn tập vùng ĐNB và vùng ĐBSCL.	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các kiến thức cơ bản về tự nhiên và kinh tế xã hội của vùng đồng bằng sông cửu Long và vùng Đông Nam Bộ. - Rèn kĩ năng đọc và phân tích biểu đồ bản đồ. - Kĩ năng phân tích bảng số liệu. <p>Có ý thức bảo vệ môi trường cũng như gìn giữ và bảo vệ các loại tài nguyên</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. <p>Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.</p>	
26	44	Kiểm tra giữa HK2	- Kiểm tra kiến thức đã học của 2 vùng KT ĐNB và ĐBSCL.	Làm được bài kiểm tra ở 2 dạng trắc nghiệm và tự luận.	- Dạy học trên lớp	
27	45	Bài 37. Thực hành: Vẽ và phân tích biểu đồ về tình hình sản xuất của ngành thủy sản ở đồng bằng	- Vẽ và phân tích biểu đồ về tình hình sản xuất của ngành thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu đầy đủ hơn ngoài thế mạnh lương thực, vùng còn thế mạnh về thủy hải sản. - Biết phân tích tình hình phát triển ngành thủy sản, hải sản ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long. - Rèn luyện kĩ năng xử lí số liệu thống kê và vẽ biểu đồ so sánh số liệu để khai thác kiến thức theo câu hỏi. - Liên hệ thực tế ở hai vùng đồng bằng lớn của đất nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. <p>Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.</p>	

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		sông Cửu Long.		- Có ý thức học tập tốt. Biết hợp tác trong làm bài thực hành.		
28	46	Bài 38. Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường biển đảo.	- Biển và đảo Việt Nam. - Phát triển tổng hợp KT biển.	- Biết được nước ta có vùng biển rộng lớn, trong vùng biển có nhiều đảo và quần đảo. - Trình bày được trên sơ đồ các vùng biển quốc gia; xác định trên bản đồ các huyện đảo và các tỉnh có các huyện đảo đó. - Trình bày được nội dung phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển; ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo đối với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. - Phân tích ý nghĩa KT của biển, đảo đối với việc phát triển KT và an ninh quốc phòng. - Ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, đảo.	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ.	- Tích hợp bộ phận về GD môi trường. - Tích hợp QP-AN.
29	47	Bài 39. Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường biển đảo. (tt)	- Phát triển tổng hợp KT biển. - Bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, đảo.	- Trình bày được nội dung phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển; ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo đối với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. - Phân tích được vấn đề khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.	.	- Tích hợp bộ phận về GD môi trường. - Tích hợp QP-AN.
30	48	Bài 40. Thực hành: Đánh giá tiềm năng kinh tế của các đảo ven bờ và tìm hiểu về ngành	- Đánh giá tiềm năng KT biển của các đảo ven bờ. - Tìm hiểu về ngành công nghiệp dầu khí.	- Hiểu đầy đủ hơn về tiềm năng phát triển kinh tế của các đảo ven bờ, đặc biệt là ngành công nghiệp dầu khí. - rèn khả năng phân tích, tổng hợp kiến thức. - Xác lập được mối quan hệ giữa các đối tượng địa lí. - Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường biển.	- Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. Hoạt động cặp	- Tích hợp bộ phận về GD môi trường. - Tích hợp QP-AN.

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		công nghiệp dầu khí.			đôi, nhóm nhỏ	
31	49	Bài 41 và ½ bài 42. Địa lí tỉnh Quảng Nam.	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí, lãnh thổ, hành chính, - Tự nhiên, tài nguyên. - Dân cư, lao động. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được tỉnh Quảng Nam nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Vị trí địa lý có nhiều thuận cho việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. - Hiểu và trình bày được đặc điểm điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, đặc điểm dân cư và lao động của tỉnh. Những thuận lợi khó khăn để phát triển kinh tế-xã hội, đồng thời có những giải pháp để khắc phục khó khăn. - Có kĩ năng phân tích tổng hợp một vấn đề địa lý thông qua hệ thống kênh hình và kênh chữ. - Hiểu rõ thực tế địa phương (thuận lợi, khó khăn) để có ý thức tham gia xây dựng địa phương, bồi dưỡng những tình cảm tốt đẹp với quê hương đất nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ	
32	50	Bài 42 ½ và bài 43. Địa lí tỉnh Quảng Nam.	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế. - Bảo vệ tài nguyên và môi trường. - Phương hướng phát triển KT. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và trình bày được tình hình phát triển các ngành kinh tế công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ, xác định thế mạnh của ngành kinh tế của tỉnh được phát triển dựa trên tiềm năng gì? - Đánh giá được mức độ khai thác tài nguyên và việc bảo vệ môi trường được đặt ra như thế nào? - Thấy được xu hướng phát triển của tỉnh . - Có kĩ năng phân tích tổng hợp một vấn đề địa lý thông qua hệ thống kênh hình và kênh chữ. - Hiểu rõ thực tế địa phương (thuận lợi, khó khăn) để có ý thức tham gia xây dựng địa phương, bồi dưỡng những tình cảm tốt đẹp với quê hương đất nước. - Có ý thức trách nhiệm trong vấn đề khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực tế. Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> - Tích hợp toàn phần về GD môi trường. - Nhận biết được các dấu hiệu suy giảm tài nguyên và ô nhiễm môi trường ở tỉnh Quảng Nam. - Có ý thức quan tâm đến bảo vệ môi trường của địa phương. - Tích cực tham gia các hoạt

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Bài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						động bảo vệ môi trường ở địa phương.
33	51	Ôn tập cuối HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Đông Nam Bộ. - ĐBSCLong. - Phát triển tổng hợp biển-đảo. - Địa lí Quảng Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn lại kiến thức trọng tâm của vùng Đông Nam Bộ và vùng đồng bằng sông Cửu Long, về phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường biển – đảo, địa lí tỉnh Quảng Nam. - Rèn luyện kĩ năng biết tổng hợp kiến thức trong làm bài tự luận và trắc nghiệm. Kĩ năng phân tích bảng số liệu và vẽ được các dạng biểu đồ theo yêu cầu. - Giáo dục kĩ năng sống và thể hiện lòng yêu quê hương đất nước. Thể hiện hợp tác nhóm trong ôn tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. - PP thuyết trình giới thiệu, vấn đáp, liên hệ thực - Hoạt động cặp đôi, nhóm nhỏ 	<ul style="list-style-type: none"> - Tích hợp toàn phần về GD môi trường và QPAN.
34	52	Kiểm tra cuối HK2	Kiểm tra kiến thức, kĩ năng của <ul style="list-style-type: none"> - Đông Nam Bộ. - ĐBSCLong. - Phát triển tổng hợp biển-đảo. - Địa lí Quảng Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm được bài kiểm tra ở 2 dạng trắc nghiệm và tự luận. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học trên lớp. 	
35	53	Trả bài kiểm tra HK2		- Rút kinh nghiệm qua kiểm tra HK2	Trên lớp học.	

Tam Mỹ Đông, ngày 20 tháng 9 năm 2022

DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU

TỔ TRƯỞNG

NHÓM TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

Phan Thị Thanh Tuyền

Nguyễn Hành

Phan Hương

